TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lù Văn Lả**

2. Ông **Giàng A Khá**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Cà Văn Đ** - Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Quàng Thị Ch** - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn anh Cà Văn Đ trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh Đ và chị Ch kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2016 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của anh chị hoà thuận hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh muân thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết

được mà ngày càng trầm trọng. Vì vậy anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2020 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm của anh Đ đối với chị Ch không còn, vì vậy anh Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ch.

- *Về con chung:* Anh Đ và chị Ch có 02 con chung là Cà Thị Khánh Ch2- sinh ngày 16/9/2012 và Cà Thiên B - sinh ngày 01/7/2016. Hiện tại các cháu đang ở với anh Đ kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau. Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập của anh Đ từ nghề làm ruộng, làm nương được khoảng 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng/1 tháng, anh Đ đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh Đ khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh Cà Văn Đ và chị Quàng Thị Ch thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Quàng Thị Ch đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị Ch vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của chị Ch không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị Ch là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, anh Đ cho rằng cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 06/10/2021 của anh Cà Văn Đ có xác nhận của chính quyền địa phương, BL: 29). Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa anh Đ khẳng định anh không còn tình cảm với chị Ch nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, anh Đ cam đoan hiện tại chị Ch không mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. vì vậy anh Đ tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với chị Ch.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án chị Ch không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện chị Ch không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của anh Đ và chị Ch vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh Đ được ly hôn với chị Ch là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung:* Anh Đ và chị Ch có 02 con chung là Cà Thị Khánh Ch2- sinh ngày 16/9/2012 và Cà Thiên B - sinh ngày 01/7/2016. Hiện tại các cháu đang ở với anh Đ kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau, nguyện vọng của anh Đ sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu và không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu, bởi vì kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay các cháu ở với anh Đ, chị Ch không có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ch không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, xét về mặt thực tế hiện tại các cháu đang ở với anh Đ kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau, còn chị Ch thì không hề có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Mặt khác, cháu Cà Thị Khánh Ch2 đã trên 07 tuổi cũng có bản tự khai trình bày nguyện vọng xin được ở với anh Đ. Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa anh Đ khai thu nhập của anh từ nghề làm ruộng, làm nương được khoảng 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng/1 tháng, anh đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu nên anh Đ không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu, Tòa án cần giao các cháu cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc và chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

*) *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

*) *Về án phí:* Anh Cà Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho anh Cà Văn Đ được ly hôn với chị Quàng Thị Ch.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Cà Thị Khánh Ch2- sinh ngày 16/9/2012 và Cà Thiên B - sinh ngày 01/7/2016 cho anh Cà Văn Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Ch có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình anh Đ không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Ch.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn anh Cà Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0004804 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự anh Cà Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/12/2021). Chị Quàng Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã M, huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến